

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TML21B2** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH01002** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **An toàn lao động điện lạnh**
Số tín chỉ: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTML0067	Huỳnh Bảo Luân	07/02/2006			9	8	9		9.6		9.2
2	21BTML0068	Lê Trọng Luân	29/06/2005			8	9	9		9.2		9.0
3	21BTML0069	Thái Hữu Luân	23/03/2006			0	0	0		0.0	0.0	0.0
4	21BTML0070	Lê Thành Nam	08/09/1996			0	0	0		0.0	0.0	0.0
5	21BTML0071	Nguyễn Khoa Nam	13/10/2005			0	0	0		0.0	0.0	0.0
6	21BTML0072	Nguyễn Trọng Nghĩa	26/11/2004			8	9	8		9.8		9.2
7	21BTML0073	Đào Văn Ngoan	07/03/2006			9	8	9		9.4		9.1
8	21BTML0074	Hứa Thiện Nhân	20/04/2006			0	0	0		0.0	0.0	0.0
9	21BTML0075	Nguyễn Minh Nhựt	02/09/2006			8	9	9		9.8		9.4
10	21BTML0076	Phạm Công Phát	26/01/2000			8	9	9		9.6		9.3
11	21BTML0077	Lai Minh Quân	15/10/2000			9	8	9		9.8		9.3
12	21BTML0078	Lương Minh Quy	04/07/2006			9	8	9		9.8		9.3
13	21BTML0079	Phạm Chí Sơn	27/07/2006			0	0	0		0.0	0.0	0.0
14	21BTML0080	Nguyễn Ngọc Tân	29/12/1996			0	0	0		0.0	0.0	0.0
15	21BTML0081	Nguyễn Hữu Thắng	24/04/2003			8	8	9		9.2		8.9
16	21BTML0082	Nguyễn Công Thành	29/07/2006			8	9	9		2.2	0.0	4.8
17	21BTML0083	Nguyễn Phước Thịnh	26/08/2006			0	0	0		0.0	0.0	0.0
18	21BTML0084	Tô Thị Cẩm Tiên	17/05/2006			0	0	0		0.0	0.0	0.0
19	21BTML0085	Nguyễn Huỳnh Tính	31/03/2005			8	8	9		0.0	0.0	3.4
20	21BTML0086	Tô Hoàng Tính	27/05/2006			8	9	9		5.6		6.9
21	21BTML0087	Đặng Quốc Trung	18/01/2006			8	8	9		9.0		8.8
22	21BTML0088	Võ Thanh Tuấn	03/05/1985			0	0	0		0.0	0.0	0.0
23	21BTML0332	Ma Ha Mad HaFis	11/11/2005			0	0	0		0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 22 tháng 8 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Lý Hoàng Giang